

Số: /KH-UBND

Quảng Hòa, ngày tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 (Bổ sung, thay thế Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa)

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định về thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt danh sách các đơn vị cấp huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa về thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng nông thôn mới để đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực nông thôn không ngừng được nâng cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, kết nối chặt chẽ với quá trình đô thị hóa; Kinh tế nông thôn phát triển; Xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định và giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường, cảnh quan, không gian sống sáng, xanh, sạch, đẹp; Hệ thống chính trị được tăng cường, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, tuyên truyền sâu, rộng đến các thôn, xóm để nâng cao nhận thức của người dân khi tham gia thực hiện chương trình, nâng cao vai trò chủ thể của nhân dân, cộng đồng dân cư, phát triển khu vực nông thôn, giảm chênh lệch khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; phát huy vai trò trách nhiệm các cơ quan, đơn vị được phân công hướng dẫn các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới, Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn trong thực hiện xây dựng nông thôn mới. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, thống nhất giữa các phòng, ban, ngành, các đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã trong quá trình triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập chung đẩy mạnh tập trung xây dựng nông thôn mới theo các văn bản hướng dẫn của chính phủ, các bộ, tỉnh, sở, ngành giai đoạn 2021-2025 trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nhằm đạt kết quả cao, có chất lượng và bền vững; Lồng ghép các nguồn lực thực hiện có hiệu quả 3 chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy mạnh các phong trào thi đua, tạo không khí sôi nổi trong thực hiện chương trình, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới theo kế hoạch đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

Duy trì và nâng cao tiêu chí đã đạt.

Phấn đấu mỗi xã tăng từ 1 tiêu chí/năm trở lên.

Duy trì 01 xã nông thôn mới, tiếp tục hoàn thiện, củng cố các tiêu chí giảm so với bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 phấn đấu hoàn thành 19/19 tiêu chí đối với xã Đại Sơn.

Đến hết năm 2022 có 01 xã đạt 19/19 tiêu chí (Đại Sơn), 06 xã đạt 14-16 tiêu chí, các xã còn lại đạt từ 10 tiêu chí trở lên. Bình quân đạt 13,3 tiêu chí/xã (*Có biểu dự kiến thực hiện kèm theo*).

Phấn đấu có ít nhất có 16 thôn/xóm đạt chuẩn nông thôn mới (mỗi xã có 01 thôn/xóm).

Phấn đấu có từ 03-04 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP 3 sao cấp tỉnh.

III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Đối với tiêu chí huyện nông thôn mới

Rà soát, đánh giá hiện trạng xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 (quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Xây dựng kế hoạch, mục tiêu đạt từng tiêu chí nông thôn mới cấp huyện trong năm 2023, đề xuất nguồn vốn và xây dựng lộ trình đạt chuẩn đối với các tiêu chí chưa đạt; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện.

2. Đối với tiêu chí xã

Duy trì xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (xã Đại Sơn), tiếp tục hoàn thiện, củng cố các chỉ tiêu, tiêu chí đã giảm so với Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí xã nông thôn mới.

Các xã tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Xây dựng kế hoạch chi tiết để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, hoàn thành các tiêu chí chưa đạt; phân công cụ thể từng nội dung, nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân phụ trách; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại cơ sở. Các xã phấn đấu hàng năm tăng 01 tiêu chí trở lên.

(Biểu dự kiến phấn đấu đạt tiêu chí NTM năm 2022 gửi kèm theo).

Xây dựng “Xã nông thôn mới nâng cao”, “Xã nông thôn mới kiểu mẫu”: Tập trung nguồn lực để hoàn thành, nâng cao chất lượng và hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí về “Xã nông thôn mới nâng cao”, “Xã nông thôn mới kiểu mẫu” giai đoạn 2021-2025.

3. Xây dựng Thôn nông thôn mới

Các xã rà soát, lựa chọn các thôn đăng ký phấn đấu đạt chuẩn thôn nông thôn mới, thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Phấn đấu trong năm 2022, mỗi xã có từ 01 đến 02 xóm trở lên đạt chuẩn thôn nông thôn mới. *(Biểu dự kiến thôn phấn đấu đạt chuẩn NTM kèm theo).*

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Nguồn lực thực hiện cả 3 chương trình MTQG năm 2022 là **131.903 triệu đồng**, cụ thể:

(1) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 29.509 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 29.025 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 484,0 triệu đồng.

(2) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 94.834 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 93.734 triệu đồng, trong đó: đầu tư phát triển 66.131 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 26.503 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 1.100 triệu đồng;

(3) **Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:** Ngân sách Trung ương 7.560 triệu đồng.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; huy động cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới. Quyết liệt chỉ đạo triển khai xây dựng nông thôn mới đồng bộ, toàn diện đối với tất cả các xã trên địa bàn huyện. Chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết để thực hiện, trong đó phải xác định rõ lộ trình, cân đối nguồn lực, đảm bảo khả thi, chuyển mạnh về chiều sâu, bền vững.

Đẩy mạnh thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới; xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; Thôn nông thôn mới, thôn kiểu mẫu đi vào chất lượng, chiều sâu, góp phần phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Tiếp tục ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu; các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, an ninh trật tự an toàn xã hội.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động

Xác định công tác tuyên truyền, vận động là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, kiên trì của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, các xã, các tổ chức chính trị - xã hội. Đẩy mạnh các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới và công tác tuyên truyền vận động người dân để người dân thể hiện vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới bằng các hành động cụ thể, tạo sự lan tỏa. Đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền; phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên các cấp trong triển khai thực hiện.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp

Triển khai hiệu quả Đề án số 21-ĐA/TU, ngày 30/8/2019 của Tỉnh ủy Cao Bằng Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn năm 2030; Chương trình số 06-CTr/HU ngày 24/6/2021 của Huyện ủy về phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc; Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc giai đoạn 2020-2025...

Triển khai hiệu quả Chương trình OCOP theo hướng đa dạng hóa và nâng cao hơn nữa chất lượng gắn với xây dựng thương hiệu; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ trong sản xuất. Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển thị trường đối với các sản phẩm chủ lực trên địa bàn; nâng cao chất lượng các Hợp tác xã để tạo mối liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp được bền vững.

4. Cơ cấu lại ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện địa phương

Phát huy lợi thế, thế mạnh để đặt ra mục tiêu cụ thể của từng địa phương. Phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa văn hóa, an sinh xã hội và môi trường; đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, trình độ của người lao động, giới thiệu việc làm, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp, tạo việc làm ổn định cho người dân nông thôn.

5. Về huy động nguồn lực thực hiện Chương trình

Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn trong năm 2022. Tập trung huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn. Huy động tối đa nguồn lực để tổ chức triển khai chương trình.

Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, khuyến khích cho vay ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội huyện.

Vận động các tổ chức kinh tế, cá nhân hỗ trợ nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới (như: đóng góp tiền, vật liệu xây dựng, hiến đất, đóng góp ngày công lao động...).

6. Về đào tạo tập huấn nâng cao năng lực

Cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo các lớp đào tạo tập huấn của tỉnh nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nhất là ở cấp xã, cấp thôn để nâng cao hiệu quả trong thực hiện chương trình.

Mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo nhu cầu để phát triển các ngành nghề nông thôn góp phần tạo việc làm tại chỗ nhằm tăng thêm thu nhập cho lao động nông thôn.

7. Khen thưởng

Xem xét biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có những đóng góp thiết thực, tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới (đóng góp bằng tiền mặt, vật liệu xây dựng, hiến đất...); các ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã có thành tích trong chỉ đạo, triển khai thực hiện và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong xây dựng nông thôn mới.

8. Công tác giám sát đánh giá thực hiện chương trình

Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương, để phòng ngừa kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí và xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện chương trình. Khen thưởng động viên kịp thời tổ chức, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo, có nhiều đóng góp trong thực hiện chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên Ban Chỉ đạo và các cơ quan, đơn vị phụ trách tiêu chí:

Căn cứ chức, năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, tiêu chí nông thôn mới theo lĩnh vực được phân công, phụ trách. Thường xuyên trao đổi, nắm tình hình thực hiện chương trình, hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc các xã tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ trong xây dựng nông thôn mới đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình theo dõi, đôn đốc, bám sát địa bàn, hướng dẫn các xã về lĩnh vực phụ trách để thực hiện. Cụ thể:

2.1. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Chủ trì phối hợp với các phòng, ban liên quan, các xã tổ chức triển khai thực hiện, báo cáo Ban Chỉ đạo về tình hình, tiến độ trong quá trình thực hiện chương trình. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá 10 tiêu chí, gồm: *tiêu chí số 3 (Thủy lợi và phòng chống thiên tai); 13.2 (Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững); 13.3 (Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương); 13.4 Có kế hoạch và phát triển kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có); 13.5 (Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả); 17.1 (Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn); 17.4 (Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn); 17.9 (Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường); 17.10 (Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm); 18.6 (Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn).*

2.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch: tham mưu đề xuất phân bổ nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn lồng ghép, các nguồn lực huy động hợp pháp khác... để thực hiện chương trình. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá *tiêu chí số 13.1 (Xã có Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và đúng quy định của Luật Hợp tác xã).*

2.3. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai các dự án thành phần của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá 03 tiêu chí, gồm: *tiêu chí số 11 (Nghèo đa chiều); 12 (Lao động); 18.5 (Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội).*

2.4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá 06 tiêu chí, gồm: *tiêu chí số 1 (Quy hoạch); 2 (Giao thông); 4 (Điện); 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn); 9 (Nhà ở); 17.5 (Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch).*

2.5. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá 02 tiêu chí, gồm: *tiêu chí số 5 (Trường học); 14 (Giáo dục và đào tạo); Tiếp tục rà soát bổ sung kế hoạch xây dựng trường đạt tiêu chuẩn vật chất theo quy định.*

2.6. Phòng Văn hóa và Thông tin: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá 03 tiêu chí, gồm: *tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa); 8 (Thông tin và truyền thông); 16 (Văn hóa).*

2.7. Chi cục Thống kê huyện: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá *tiêu chí 10 (Thu nhập);*

2.8. Phòng Y tế: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và đánh giá *tiêu chí số 15 (Y tế).*

2.9. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá 07 tiêu chí, gồm: *tiêu chí số 17.2 (Tỷ lệ cơ sở sản xuất-kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường); 17.3 (Xây dựng cảnh quan, không gian xanh-sạch-đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung); 17.6 (Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định; 17.7 (Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường); 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch); 17.11 (Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn); 17.12 (Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế xử lý theo quy định).*

2.10. Phòng Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá 03 tiêu chí, gồm: *tiêu chí số 18.1 (Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn); 18.2 (Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên); 18.3 (Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên).*

2.11. Phòng Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá *tiêu chí 18.4 (Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định).*

2.12. Ban Chỉ huy Quân sự huyện: Chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá *tiêu chí 19.1 (Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng).*

2.13. Công an huyện: Chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện và phụ trách đánh giá *tiêu chí 19.2 (Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công*

dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả).

2.14. Phòng Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội:

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, chương trình MTQG đến cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên của tổ chức mình và các tầng lớp nhân dân để nâng cao nhận thức, phát huy chủ thể của nhân dân trong thực hiện chương trình.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện hướng dẫn các xã lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

3. Ủy ban nhân dân các xã

Duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt, tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đã đạt nhưng chưa thật sự bền vững; lồng ghép các nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện chương trình; xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt, có phương hướng nhiệm vụ cụ thể thực hiện phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới, ưu tiên triển khai thực hiện các tiêu chí dễ, cần ít kinh phí làm trước; có sự phân công rõ ràng, cụ thể cho từng cán bộ, công chức, tổ chức trong việc thực hiện chương trình.

Lựa chọn các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh của địa phương tham gia sản phẩm OCOP.

Kiện toàn Ban quản lý, Ban phát triển thôn kịp thời để triển khai thực hiện chương trình có hiệu quả.

Tiến hành rà soát, đánh giá các tiêu chí thôn nông thôn mới theo Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành Bộ tiêu chí xóm nông thôn mới; Bộ tiêu chí xóm nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2025 (*Rà soát, đánh giá tất cả các xóm trên địa bàn và đăng ký thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện phần đầu đạt kế hoạch đề ra*), gửi về Phòng Nông nghiệp và PTNT trước **ngày 02/11/2022**.

Công khai dân chủ trong các nội dung, kế hoạch xây dựng nông thôn mới để người dân biết, dân bàn và tham gia thực hiện chương trình.

Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng trong thực hiện chương trình.

Tăng cường chỉ đạo kiểm tra đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình; sử dụng các nguồn vốn được giao, các nguồn huy động xã hội hóa có hiệu quả.

Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được giao theo quy định.

4. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Báo cáo năm 2022 (*trước ngày 15/11*) gửi về UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa. Kế hoạch này bổ sung thêm một số nội dung và thay thế Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa./.

Nơi nhận:

- BCĐ thực hiện các CT MTQG tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện, các cơ quan đoàn thể;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Công an huyện;
- Ban Chỉ huy Quân sự huyện;
- Chi cục Thống kê huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NN.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Hải

BIỂU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI Năm 2022

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa)

TT	Xã	KQ Đạt số tiêu chí	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi và PCTT	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Nghèo đa chiều	Lao động	Tổ chức sản xuất và PTKT nông thôn	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và ATP	Hệ thống chính trị và tiếp cận PL	Quốc phòng và an ninh
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Đại Sơn	19	x	x	x	x	x	x	x	x	x	2022	2022	x	2022	x	2022	x	2022	x	x
2	Quảng Hưng	16	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	2022		x
3	Phúc Sen	15	2022	2022	x	x	x	x	x	x	x			x			x	x		x	x
4	Độc Lập	14	2022		x	x			x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		x
5	Bế Văn Đàn	14	2022	x	x	x	x		x	x	x			x		x	x	x		x	x
6	Mỹ Hưng	16	x	x	x	x	x		x	x	2022			x	x	x	x	x	x	x	x
7	Cách Linh	13	2022		x	x			x	x				x	x	x	x	x	2022	x	x
8	Ngọc Động	15	2022	2022	x	x			x	x	x			x	x	x	x	x	2022	x	x
9	Tự Do	12	2022	2022	x	x			x		x			x		x	x	x	2022		x
10	Tiên Thành	12	x		x	x			x	x	2022			x	x	x	x	x			x
11	Quốc Toàn	13	x	2022	x	x			x	x	2022			x		x	x	x		x	x
12	Hồng Quang	11	x		x	x			x		2022			x		x	x	x		x	x
13	Hạnh Phúc	11	2022		2022	x			x	x				x		x	x	x		x	x
14	Chí Thảo	10	x	x	x	x			x		x					x		x		x	x
15	Phi Hải	11	x		x	x			x					2022	x	x	x	x		x	x
16	Cai Bộ	10	x			x			2022	2022				x	2022	x	x	x			x
	Tổng cộng	212	16	9	15	16	5	3	16	12	12	1	2	15	9	16	15	16	7	11	16
	TB tiêu chí /xã	13,3																			

Ghi chú: Ô đánh dấu “x” là tiêu chí đạt; Ô đánh số “2022” là năm phấn đấu hoàn thành.

KẾ HOẠCH DỰ KIẾN THÔN PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN THÔN NTM năm 2022
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2022 của UBND huyện Quảng Hòa)

TT	Xã/xóm	phần đầu đạt chuẩn thôn NTM năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4
I	Xã Đại Sơn	0	Có 8 xóm đạt thôn NTM gồm: Bó Tềng, Đại Tiến, Nam Hà, Bó Luông, Bản Chu, Biên Hòa, Lũng Om, Bản Mới
II	Xã Phúc Sen	1	
1	Pắc Rằng	x	
III	Xã Quảng Hưng	1	
1	Đầu Cầu 1	x	
IV	Xã Độc Lập	2	
1	Nà Phường	x	
2	Đồng Khuôn 2	x	
V	Xã Bế Văn Đàn	1	
1	Bản Buồng	x	
VI	Xã Cách Linh	1	
1	Lăng Hoài 1	x	Có 02 xóm đạt thôn NTM gồm Lăng Hoài II, Bản Mẩn
VII	Xã Mỹ Hưng	2	
1	Nà Chào	x	
2	Tục Mỹ	x	
VIII	Xã Ngọc Động	1	
1	Đổng Đa	x	
IX	Xã Tự Do	1	
1	Gia Tự	x	
X	Xã Hạnh Phúc	2	
1	Hồng Định I	x	
2	Hồng Định III	x	
XI	Xã Tiên Thành	1	
1	Bản Giuông	x	
XII	Xã Quốc Toàn	1	
1	Cao Xuyên	x	
XIII	Xã Chí Thảo	1	
1	Yên Lạc	x	
XIV	Xã Hồng Quang	1	
1	Lũng Ry	x	
XV	Xã Phi Hải	1	
1	Xuân Hồng 1	x	
XVI	Xã Cai Bộ	1	
1	Đồng Tâm	x	
	Tổng cộng	18	

Các sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình OCOP năm 2022
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /10/2022 của UBND huyện Quảng Hòa)

TT	Tên sản phẩm	Tên chủ thể dự kiến	Địa chỉ	Sản lượng	Ghi chú
1	Bún khô	Đình Thị Hạng	Tổ 4, thị trấn Hòa Thuận, Quảng Hòa, Cao Bằng	15 tấn	
2	Bưởi Hồng Quang	Phan Văn Lập	Xóm Hợp Thành, xã Hồng Quang, Quảng Hòa, Cao Bằng	6 tấn	
3	Lạp Sườn Quảng Uyên	Ma Thị Hương Trang	Xóm Pác Cam, TT Quảng Uyên, Quảng Hòa, Cao Bằng	1 tấn	
4	Gạo Phàng Kheo	HTX sản xuất và dịch vụ nông lâm nghiệp Tiên Thành	Xóm Hợp Thành, xã Tiên Thành, Quảng Hòa, Cao Bằng	62 tấn	
5	Nếp liệu	Tổ hợp tác sản xuất	Xóm Nà Lò, xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng	55 tấn	
6	Su su Phúc Sen	Tổ hợp tác trồng Su su Quốc Tuấn-Phùng Văn Chi 0975.953.740	Xóm Quốc Tuấn, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	60 tấn	
7	Chè Phúc Sen	Tổ hợp tác trồng chè Lũng Sâu-Nông Văn Trường 0834.412.802	Xóm Đâu Cọ, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	8 tấn	
8	Khoai lang Phúc Sen	THT trồng khoai lang Phúc Sen-Hoàng Văn Trường-0386.738.651	xóm Phia Chang, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	280 tấn	
9	Củ cải tươi	THT trồng Củ cải Phúc Sen-Phùng Văn Nam 0971.440.049	xóm Quốc Dân, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	250 tấn	
10	Cam	HTX nông nghiệp sạch Quảng Hưng	Xóm Đầu Cầu 1, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	8 tấn	
11	Dưa chuột			200 tấn	
12	Rau dạ hiến	Nông Thanh Hải	Xóm Nhóm Nhèm Lũng Đầy, xã Quốc Toản, Quảng Hòa, Cao Bằng	11 tấn	
13	Quả Thanh long	HTX sản xuất và dịch vụ nông lâm nghiệp Vĩnh Hưng	Xóm Đà Sơn, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng	50 tấn	
14	Rượu mía men lá hạ thổ Bó Luông			3.000 lít	
15	Dưa hấu			300 tấn	

16	Du lịch cộng đồng homstay Thu Hậu	Đình Thu Hậu	Xóm Đồng Giao, xã Chí Thảo		
17	Du lịch cộng đồng homstay Bách Thảo Tà Lùng	Đào Xuân Mùi	Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tà Lùng		